

Thực trạng kiểm tra, đánh giá các học phần tiếng Anh căn bản tại Trường Đại học Bạc Liêu

Phạm Thanh Loan*

*Bộ môn Lý Luận và Phương pháp Giảng dạy Tiếng Anh. Trường Đại học Bạc Liêu

Received: 16/02/2024; Accepted: 26/02/2024; Published: 6/3/2024

Abstract: In an educational context, assessment is the process of describing, collecting, recording, scoring, and interpreting information about learning. Both testing and assessment play an important role in language teaching and learning. However, testing-assessment is not really effective to general English courses at Bac Lieu University based on reliability, validity and authenticity of the test.

Keywords: Testing, assessment, reliability, validity, authenticity.

1. Đặt vấn đề

Theo Tiêu chuẩn kiểm tra giáo dục và tâm lý “... các bài kiểm tra [là] một thiết bị hoặc thủ tục đánh giá trong đó mẫu hành vi của người được kiểm tra trong một lĩnh vực cụ thể được thu thập và sau đó được đánh giá và cho điểm bằng cách sử dụng một quy trình được tiêu chuẩn hóa”. (AERA, APA, NCME, 1999: tr. 3). Đánh giá là một thuật ngữ rộng hơn cho “... một quá trình tích hợp thông tin kiểm tra với thông tin từ các nguồn khác (ví dụ: thông tin từ lịch sử xã hội, giáo dục, việc làm hoặc tâm lý của cá nhân)” (AERA et al. 1999, p. 3). Nói cách khác, bài kiểm tra được sử dụng để kiểm tra kiến thức của ai đó về điều gì đó nhằm xác định xem người đó biết hoặc đã học được điều gì. Do đó, kiểm tra đo lường mức độ kỹ năng hoặc kiến thức đã đạt được. Đánh giá là quá trình ghi lại kiến thức, kỹ năng, thái độ và niềm tin, thường bằng những thuật ngữ có thể đo lường được. Mục đích của việc đánh giá là tạo ra những cải tiến chứ không phải chỉ đơn thuần là bị đánh giá. Độ tin cậy, giá trị và tính xác thực là ba trong số những yếu tố quan trọng mà một bài kiểm tra cần đảm bảo nhưng chúng thật sự chưa hiệu quả nơi tôi dạy

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Độ tin cậy

Độ tin cậy được định nghĩa là “mức độ mà một công cụ đánh giá tạo ra kết quả ổn định và nhất quán”. Theo Bachman và Palmer (1996), độ tin cậy là sự nhất quán của phép đo. Brown (2003) định nghĩa nó là sự nhất quán về điểm số. Có một số yếu tố ảnh hưởng đến độ tin cậy của bài kiểm tra: độ tin cậy liên quan đến học sinh, độ tin cậy của việc quản lý bài kiểm tra, độ tin cậy của người chấm và độ tin cậy của bài kiểm tra; chẳng hạn như: sự hồi hộp lo lắng của sinh viên, số lượng sinh viên trong một phòng thi quá

đông, tiếng ồn xung quanh .v.v.

Để giải quyết vấn đề này, tôi đề nghị giáo viên nên chia lớp thành hai nhóm nhỏ và để học sinh ngồi cách xa nhau để các em không thể bắt chước nhau. Giáo viên có thể dễ dàng quan sát khi lớp có ít học sinh hơn. Họ nên yêu cầu học sinh làm bài kiểm tra trong một không gian yên tĩnh để giúp các em tập trung vào bài kiểm tra. Hơn nữa, bài kiểm tra ở trường tôi chủ yếu là bài kiểm tra thành tích gồm 4 phần chính: ngữ âm, ngôn ngữ sử dụng, đọc và viết và kết quả cuối cùng bao gồm điểm giữa kỳ và điểm cuối kỳ. Ngoài ra, một số giáo viên chấm đôi khi cho những học sinh viết tay tốt đạt điểm cao hơn những học sinh viết chữ kém; mặc dù họ đưa ra câu trả lời giống nhau. Việc chấm điểm cũng phụ thuộc vào cảm giác, ý thức hoặc tâm trạng của người đánh giá. Học sinh sẽ đạt điểm cao nếu người đánh giá có cảm xúc tốt hoặc ấn tượng tốt về ngày hôm đó. Giáo viên cần có ý thức công bằng khi chấm điểm và cho điểm một phần nhờ sự tham dự và đóng góp của học sinh trong giờ học. Ví dụ, bài kiểm tra không bao gồm phần nói, nhưng trong suốt khóa học, giáo viên có thể cho điểm kỹ năng này bằng cách giao cho họ các nhiệm vụ như: thảo luận, thuyết trình, v.v. Giáo viên không nên cho điểm theo cảm tính mà cần có tiêu chí chấm điểm rõ ràng và sự thống nhất giữa người chấm. Ở trường tôi có rất nhiều giáo viên dạy tiếng Anh căn bản nhưng chỉ có một người quyết định hình thức và nội dung thi. Những học sinh không thuộc lớp của giáo viên đó rất lo lắng, sợ rằng mình sẽ không vượt qua kỳ thi. Đôi khi, hầu hết họ đều cho rằng điều đó không công bằng với họ. Để tránh tình trạng này, tất cả các giáo viên dạy cùng một môn nên ngồi lại với nhau và trao đổi nghiêm túc về hình thức, nội dung cũng như độ dài và độ khó của bài thi để học sinh yên tâm làm bài và đảm bảo sự bình đẳng giữa các em.

Một số giáo viên không có nhiều thời gian để đánh bài, họ thường sao chép hoặc ghi lại toàn bộ văn bản trong sách giáo khoa hoặc ở đâu đó, điều này không đáng tin cậy vì có thể không rõ ràng. Vì vậy, nếu nhiệm vụ của giáo viên là chuẩn bị cho bài kiểm tra thì họ phải có trách nhiệm và phải cẩn thận. Ngoài ra, họ còn chép bài trong sách giáo khoa, đây là bài kiểm tra trí nhớ vì học sinh đã làm xong và có thể làm lại nhanh chóng. Điều này dẫn đến không phân biệt được khả năng của học sinh. Tất nhiên, kết quả cuối cùng là không đáng tin cậy. Vì vậy, giáo viên nên tránh những điều trên và đưa ra một số câu hỏi khó trong bài kiểm tra để tìm ra những học sinh có năng lực thực sự.

2.2. Độ giá trị

Độ giá trị nói chung đề cập đến sự phù hợp của một bài kiểm tra đưa ra hoặc bất kỳ bộ phận cấu thành nào của nó như một thước đo cho những gì nó được cho là cần đo lường. Gronlund (1998) nói rằng giá trị là “mức độ mà các suy luận được đưa ra từ kết quả đánh giá là phù hợp, có ý nghĩa và hữu ích xét về mục đích đánh giá” (trang 226). Theo Hughes (2000) “một bài kiểm tra được cho là có giá trị nếu nó đo lường chính xác những gì nó dự định đo lường” (trang 22). Có năm loại giá trị chính: giá trị nội dung, giá trị liên quan đến tiêu chí, giá trị cấu trúc, giá trị hệ quả và giá trị bề mặt. Theo tôi, tính hợp lệ của cấu trúc quan trọng hơn nhiều. Trên thực tế, bài thi quá dài với nhiều câu và học sinh không thể làm được trong thời gian có hạn. Các em dành phần lớn thời gian để xử lý phần viết bao gồm chuyển câu mà không thay đổi nghĩa và viết một đoạn văn về chủ đề nhất định. Điều này vi phạm tính hợp lệ bề mặt. Tôi cho rằng nên bỏ phần viết trong bài thi và sẽ thi theo cách khác, hồ sơ học tập; là một tập hợp có hệ thống gồm quan sát của giáo viên và sản phẩm của học sinh, được thu thập theo thời gian, phản ánh tình trạng phát triển của học sinh và sự tiến bộ đạt được trong một khóa học hoặc lĩnh vực học tập cụ thể. Điểm danh mục đầu tư hoặc sự tiến bộ của sinh viên trong suốt khóa học sẽ là một phần của kết quả cuối cùng. Học sinh phải nộp bản thảo sau khi hoàn thành mỗi học phần. Các em sẽ sửa lại sau khi được giáo viên sửa và các em nên giữ bản nháp của mình trong một cặp hồ sơ. Khi các em đã quen với việc sửa bài, cách viết, v.v., giáo viên có thể cho các em sửa lỗi cùng bạn hoặc thậm chí tự sửa lỗi. Đây là một kỹ thuật hiệu quả vì học sinh có thể học hỏi và nâng cao kiến thức từ những sai lầm của bạn bè. Cuối cùng, các em được yêu cầu viết lại một trong những chủ

đề đã học và giáo viên sẽ so sánh với các bài cũ, cho điểm cũng như những phản hồi hiệu quả để các em đạt được kiến thức một cách trọn vẹn. Song hành với Đề án Ngoại ngữ Quốc gia năm 2020, chúng ta chủ yếu nên kiểm tra cũng như dạy cho học sinh bốn năng lực/kỹ năng ngôn ngữ chính: nghe, nói, viết và đọc. Kiến thức ngôn ngữ khác cũng rất cần thiết nhưng chúng ta có thể dạy kèm theo những kỹ năng phù hợp. Tuy nhiên, bài kiểm tra ở đây gồm ngữ âm, sử dụng ngôn ngữ. Nó không có ý nghĩa vì chúng ta có thể kiểm tra ngữ âm thông qua việc nói hoặc ngữ pháp, từ vựng thông qua việc viết. Tiêu chuẩn đầu ra của sinh viên là cấp độ B1 dựa trên Bài kiểm tra trình độ tiếng Anh chuẩn hóa của Việt Nam (VSTEP). Nếu làm bài thi với hình thức hiện tại, họ sẽ giống như cá mắc cạn khi thi VSTEP và kết quả là họ khó có thể vượt qua bài kiểm tra này và đạt được chứng chỉ.

2.3. Tính xác thực

Bên cạnh tính giá trị và độ tin cậy, tính xác thực cũng được coi là rất quan trọng đối với một bài kiểm tra. Đó là một hình thức đánh giá trong đó học sinh được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ trong thế giới thực nhằm chứng tỏ việc áp dụng có ý nghĩa những kiến thức và kỹ năng thiết yếu (Jon Mueller, 2005). Trên thực tế, đánh giá xác thực mang lại rất nhiều lợi ích cho cả học sinh và giáo viên. Theo Bachman và Palmers (1996), đánh giá xác thực được chấp nhận như một cách tiếp cận hợp lệ giúp sinh viên luyện tập cho sự mơ hồ phức tạp trong cuộc sống làm việc và nghề nghiệp, đồng thời thách thức họ thực hiện các lý luận phức tạp ở bậc cao hơn và suy nghĩ độc lập và sáng tạo. Ngoài ra, nó tích hợp việc học tập của sinh viên một cách toàn diện, tập hợp các mẫu công việc được thu thập theo thời gian, có thể trong quá trình chuẩn bị hồ sơ cũng như nâng cao khả năng tuyển dụng sau đại học bằng cách phát triển khả năng “sẵn sàng làm việc” của sinh viên. Vì những ưu điểm trên nên chúng ta không thể bỏ qua tính xác thực của một bài kiểm tra. Tuy nhiên, thực tế trong bối cảnh của tôi có vẻ hơi khác một chút. Nó kiểm tra chính xác những gì học sinh đã học và làm trong giáo trình. Ví dụ, trong bài chuyển đổi câu, học sinh được yêu cầu thay đổi câu mà không làm thay đổi nghĩa. Những câu này hoàn toàn giống với những câu trong sách giáo khoa. Điều này không còn thách thức họ nữa, nó không giúp chúng tôi đánh giá được khả năng của học sinh. Để giải quyết vấn đề này, giáo viên nên sử dụng những câu khác với câu trong sách giáo khoa nhưng có cùng cấu trúc hoặc nội dung mà chúng ta muốn đánh giá.

(Xem tiếp trang 111)

3. Kết luận

TLGD của John Dewey đã có một tầm ảnh hưởng lớn đối với hệ thống giáo dục hiện đại. Được xem là một trong những triết gia giáo dục hàng đầu của thế kỷ 20, Dewey đã tạo ra một cách tiếp cận mới với việc giảng dạy và học tập, đặc biệt là trong việc kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn.

TKGD của Dewey tập trung vào việc khuyến khích sự tương tác, trải nghiệm và tư duy sáng tạo của học sinh. Ông tin rằng học sinh cần được đặt vào tâm điểm của quá trình học tập, và việc tạo ra một môi trường học tập kích thích và ý nghĩa là điều quan trọng nhất.

Áp dụng triết lý giáo dục của Dewey trong lớp học đòi hỏi sự linh hoạt và sáng tạo từ phía giáo viên. Điều này yêu cầu các hoạt động thực hành, dự án xã hội, hoạt động thảo luận và tranh luận, dự án nghiên cứu độc lập và sử dụng trò chơi vai trò. Từ đó, học

sinh được khuyến khích tham gia tích cực, phát triển kỹ năng toàn diện và áp dụng kiến thức vào thực tế.

Triết lý giáo dục của Dewey cung cấp một cơ sở chắc chắn cho việc thay đổi phương pháp giảng dạy truyền thống và tạo ra một môi trường học tập đa dạng và phù hợp với nhu cầu của học sinh hiện đại. Bằng cách áp dụng những nguyên tắc và phương pháp của Dewey, giáo viên có thể tạo ra những trải nghiệm học tập hết sức hữu ích và ý nghĩa cho học sinh, giúp họ phát triển kỹ năng, kiến thức và tư duy sáng tạo để đối mặt với thế giới thay đổi liên tục xung quanh.

Tài liệu tham khảo

1. Dewey, J. (2008). *Dân chủ và giáo dục*, bản dịch của Phạm Anh Tuấn. Hà Nội: NXB Tri thức
2. Dewey, J. (2012). *Kinh nghiệm và giáo dục*, bản dịch của Phạm Anh Tuấn. Hà Nội: NXB Tri thức
3. Dewey, J. (2014). *Cách ta nghĩ*, bản dịch của Vũ Đức Anh, Hà Nội: NXB Tri thức

Thực trạng kiểm tra, đánh giá.....(tiếp theo trang 51)

Có rất nhiều tài liệu tham khảo về chúng trên Internet hoặc trong các sách ngữ pháp khác. Thứ hai, không cần thiết phải sử dụng lại các đoạn văn trong sách giáo khoa để kiểm tra trí nhớ của học sinh. Tốt nhất giáo viên nên chọn một cuốn khác ngoài sách giáo khoa để kiểm tra kiến thức đã học. Văn bản được chọn phải xác thực, có nghĩa là nó liên quan đến chuyên ngành của sinh viên. Ví dụ, với cùng một kỹ năng phụ về đọc mà giáo viên muốn kiểm tra, họ có thể chọn những đoạn văn liên quan đến lĩnh vực khoa học cho những người học chuyên ngành công nghệ hoặc kỹ thuật, và lĩnh vực xã hội cho những người học văn học. Ngoài ra, các chủ đề thảo luận, thuyết trình có thể thay đổi cho phù hợp với chuyên ngành cũng như năng lực của sinh viên để trở nên chân thực và gây hứng thú cho sinh viên. Có như vậy thì các em sẽ hào hứng thảo luận và việc học ngày càng hiệu quả hơn. Điều này còn giúp các em phát triển khả năng sáng tạo và tư duy phê phán, vốn là hai kỹ năng cần thiết trong việc học ngôn ngữ thời hiện đại.

3. Kết luận

Khái niệm “sự hữu ích” (Bachman và Palmers, 1996) kết hợp ý tưởng về sự công bằng, tức là ý tưởng đảm bảo rằng mỗi đứa trẻ nhận được điểm số thể hiện chặt chẽ khả năng của mình. “Tính hữu ích” bao gồm những ý tưởng quan trọng giúp chúng ta đảm bảo rằng quy trình đánh giá sẽ cung cấp cho

người đánh giá những bằng chứng tốt nhất để đưa ra quyết định đánh giá về khả năng sử dụng ngôn ngữ của trẻ” (McKay, 2006). Vì vậy, bài thi cần phải hữu ích hoặc phải đảm bảo tính hữu dụng, đặc biệt là tính giá trị, độ tin cậy và tính xác thực để giáo viên không tạo cho học sinh cảm giác bất công, đánh mất thành tích làm bài hàng ngày và tạo động lực cho học sinh trong học tập. Ngoài ra, một bài kiểm tra tốt có thể là cơ sở đánh giá vì kiểm tra và đánh giá có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Tài liệu tham khảo

1. AERA, APA, & NCME (1999). Standards for educational and psychological testing. Washington, D.C..
2. Bachman, L. F., & Palmer, A. S. (1996). Language testing in practice: Designing and developing useful language tests (Vol. 1). Oxford University Press.
3. Gronlund, N. E. (1998). Assessment of student achievement. Allyn & Bacon Publishing, Longwood Division, 160 Gould Street, Needham Heights, MA 02194-2310; tele.
4. Hughes, Arthur. (2000). Testing for Language Teachers. Beijing: Foreign Language Teaching and Researching Press.
5. McKay, P. (2006). Assessing young language learners (pp. 112-116). Cambridge: Cambridge University Press.